TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2017/HS-ST
Ngày 17- 10- 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Toản
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Ngọc Biên
Bà Nguyễn Thị Tin

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Duy Tuyên, thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Dũng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thụ, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 66/2017/HSST ngày 21 tháng 09 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2017/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Trung T, sinh năm 1978

Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh B; Dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Cán bộ xã L; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; con ông: Nguyễn Xuân Th và bà Đỗ Thị N; vợ: Nguyễn Thị L; có 2 con, lớn sinh 2004, nhỏ sinh 2009; tiền án, tiền sự: Không; hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị Th, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh B; dân tộc: Ki; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông: Nguyễn Văn Đ và bà: Nguyễn Thị M; chồng: Nguyễn Văn Đ; có 2 Con, lớn sinh 2003, nhỏ sinh 2007; tiền án, tiền sự: Không; hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Hoàng Thị Bích L và bà Ong Thị T, Luật sư Văn phòng luật sư H thuộc đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Th, có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Bảo hiểm xã hội huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:* Ông Nguyễn Xuân T, phó giám đốc Bảo hiểm xã hội huyện Việt Yên (vắng mặt).

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Ma Thị Th, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện C, tỉnh T (vắng mặt).

2. Anh Trần Đức T, sinh năm 1992; địa chỉ: T, TT. N, huyện Y.

3. Anh Trần Đình C, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Y (có mặt).

4. Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn Y, xã Y, huyện Yên D (vắng mặt).

5. Chị Dương Thị N, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện Y.

6. Anh Lê Văn C, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn S, xã L, huyện Y (vắng mặt).

7. Chị Thân Thị L, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn H 1, xã H, huyện V (có mặt).

8. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y (vắng mặt).

9. Chị Trần Hồng M, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện Y (vắng mặt).

10. Chị Chu Thị M, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện L (vắng mặt).

11. Chị Hoàng Thị P, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu 12, xã H, huyện T, tỉnh (vắng mặt).

12. Chị Bùi Thị P, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn 14, xã X, huyện L (vắng mặt).

13. Chị Lê Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện Y (vắng mặt) .

14. Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện Y (vắng mặt) .

15. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Y (vắng mặt).

16. Chị Thân Thị H, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Q, xã L, huyện Y (vắng mặt).

17. Anh Đàm Văn H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện L(vắng mặt).

18. Anh Vũ Trí V, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Y (vắng mặt).

29. Chị Leo Thị Vân A, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện V (vắng mặt).

20. Chị Nguyễn Danh H, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện T (vắng mặt).

21. Chị Phạm Thị P, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện Y (vắng mặt) .

22. Chị Đào Thị T, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn D, thị trấn B, huyện V (vắng mặt).

23. Anh Tăng Duy Q, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn A, xã T, thành phố B (vắng mặt).

24. Chị Dương Thị T, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y (vắng mặt).

25. Anh Giáp Văn D, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện T (vắng mặt).

26. Chị Phạm Thị X, sinh năm 1985; địa chỉ: Xã H, huyện Y (vắng mặt).

27. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Y.

28. Chị Bùi Thị Q, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Y (vắng mặt).

29. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Y (có mặt).

30. Anh Chu Trọng T, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện V (vắng mặt).

31. Công ty TNHH V; địa chỉ: Khu công nghiệp V, huyện V.

- Người đại diện hợp pháp: Bà Bùi Thanh B, Giám đốc hành chính nhân sự (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trong khoảng thời gian đầu năm 2015, Nguyễn Trung T trong một lần đưa cháu đi xin việc tại Khu công nghiệp Đ, huyện V thì tình cờ gặp một người đàn ông T không nhớ chính xác tên là Thao (hoặc Thảo, Thạo). Khi gặp T, người đàn ông đó có làm quen và hỏi T làm ở đâu thì T nói dối là đang làm công nhân Công ty Hồng Hải (nằm trong Khu công nghiệp Đình Trám, huyện Việt, Bắc Giang). Thấy vậy, người đàn ông đó có nói với T là có giấy ra viện giả bán để nếu cần xin công ty nghỉ và để thanh toán bảo hiểm, nếu công nhân nào có nhu cầu mua thì liên lạc với người đàn ông đó, đồng thời cho T số điện thoại di động số 01667079434 để liên lạc và được T lưu trong danh bạ điện thoại với tên là "Giấy ra viện".

Do biết Th là em họ đang làm công nhân tại khu công nghiệp, có thể làm đầu mối hỏi để bán các giấy ra viện giả cho công nhân được, nên T chủ động gặp và trao đổi với Th là T có mối lấy giấy ra viện chưa ghi nội dung gì có chữ ký và dấu của Bệnh viện (giấy ra viện giả) để bán và bảo Th nếu ai có nhu cầu mua thì giới

thiệu T sẽ bán cho. Thấy T nói vậy, biết không đi Bệnh viện điều trị nhưng có giấy ra viện để xin nghỉ và làm được chế độ bảo hiểm nên T đồng ý. Khoảng giữa năm 2015 Thinh đến Công ty TNHH V nơi Th làm công nhân và nói với một số người trong tổ làm sạch, xưởng 2 của công ty là nếu ai xin nghỉ mà công ty không cho nghỉ thì bảo Th mua hộ giấy ra viện của Bệnh viện cho để trình công ty xin nghỉ và để thanh toán chế độ bảo hiểm thì một số người đồng ý và đặt vấn đề mua giấy ra viện giả của Th, sau đó Th thông báo cho T biết là có người muốn mua giấy ra viện giả. Được Th thông báo, T liên lạc với người đàn ông đã gặp trước đó theo số điện thoại người đó cho trước đó để hỏi mua 05 phôi giấy ra viện giả và được người đàn ông đó đồng ý bán với giá 100.000đ/01giấy, giữa T và người đàn ông đó đã thống nhất hình thức giao nhận phôi giấy ra viện giả là chuyển phát qua bưu điện về địa chỉ văn phòng Đảng uỷ xã L, huyện Y là nơi T làm việc, còn tiền mua phôi giấy ra viện giả sẽ thanh toán trong lần mua sau. Sau một đến 2 ngày, T nhận được 05 phôi giấy ra viện giả mang tên của Bệnh viện đa khoa huyện Yên Dũng trong đó chưa ghi nội dung gì, đã có dấu của Bệnh viện đa khoa huyện Yên Dũng và dấu chức danh mang tên Phó giám đốc BS.Ong Thế B đóng sẵn nhưng chưa có chữ ký của Bác sỹ B và phía dưới góc bên trái ở mục Trưởng khoa điều trị có dấu chức danh Bác sỹ Phạm Quang Đ và chưa có chữ ký Bác sỹ Đ. Sau khi nhận được giấy ra viện giả, T được người đàn ông tên Thao hướng dẫn cách thức viết các nội dung trên phôi giấy ra viện giả và bảo T tự ký giả chữ ký ở mục "Giám đốc bệnh viện" và "Trưởng khoa điều trị".

Khi có phôi giấy ra viện giả, T đã gọi điện và hướng dẫn Th cách thức lấy các thông tin cần thiết từ như: số thẻ Bảo hiểm y tế, thông tin cá nhân, ngày muốn nghỉ… sau đó cung cấp cho T để Thành viết các nội dung vào các phôi giấy ra viện giả và tự ký vào mục "Giám đốc bệnh viện" và mục "Trưởng khoa điều trị" sau đó chuyển cho Th để Th bán cho người có nhu cầu với giá từ 100.000đ đến 250.000đ/01 giấy ra viện.

Quá trình điều tra xác định: Ngoài 05 giấy ra viện giả T bán nêu trên, T còn nhận từ đối tượng tên Thao 03 lần tổng số 35 phôi giấy ra viện giả. Việc giao nhận tiền và phôi giấy ra viện giả được thực hiện thông qua việc gửi lái xe khách chạy tuyến Hà Nội - Lạng Sơn địa điểm giao nhận và thanh toán tại quốc lộ 1A khu vực Siêu thị BigC, Thành Phố Bắc Giang. Việc giao nhận và thanh toán thông qua lái xe ô tô, nay T không nhớ biển số xe và lái xe. Cụ thể, lần thứ nhất người đàn ông tên Thao gửi cho T 10 phôi giấy ra viện giả và T thanh toán số tiền 1.500.000đ (trong đó có số tiền 05 phôi giấy ra viện giả đã mua trước đó và 10 phôi giấy ra viện giả đã đặt mua), lần thứ hai mua 10 phôi giấy với số tiền 1.000.000đ và lần thứ ba là 15 phôi giấy ra viện giả với số tiền là 1.500.000đ.

Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2015 đến cuối năm 2016, T đã mua tổng số 40 phôi giấy ra viện giả; T tự tay viết giả nội dung và ký giả chữ ký 33 giấy, 04 giấy T nhờ vợ là Nguyễn Thị L viết hộ nội dung, 03 giấy do viết hỏng nên T đã bỏ đi. Các phôi giấy ra viện sau khi viết giả nội dung và giả chữ ký T đã tự bán 03 giấy ra viện giả gồm bán cho các anh Trần Đình C, Lê Văn Cvà Vũ Trí V đều ở xã L, huyện Y mỗi người 01 giấy ra viện, thu tổng số tiền 700.000đ; thông qua Nguyễn Thị Th bán 34 giấy ra viện giả cho 27 công nhân ở công ty TNHH V khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, Bắc Giang. Tổng số thu lợi bất chính từ việc bán giấy ra viện giả là 5.000.000đ. Đối với số giấy ra viện giả các công nhân công ty TNHH V đã làm chế độ thanh toán với Bảo hiểm xã hội huyện V, tỉnh B.

Tiến hành làm việc với những người mua và sử dụng giấy ra viện giả trong đó có người trực tiếp giao dịch mua của T và Th có người nhờ người khác mua hộ gồm: Ma Thị T, sinh năm 1996, ở thôn A, xã T, huyện C, tỉnh T; Trần Đức T, sinh năm 1992, ở tiểu kh 5, TT. N, huyện Y; Trần Đình C, sinh năm 1993, ở thôn T, xã L, huyện Y; Nguyễn Thị Y, sinh năm 1984, ở thôn Y, xã Y, huyện D; Dương Thị N, sinh năm 1995, ở thôn B, xã Y, huyện Y; Lê Văn C, sinh năm 1982, ở thôn S, xã L, huyện Y; Thân Thị L, sinh năm 1982, ở thôn H, xã H, huyện V; Nguyễn Thị T, sinh năm 1991, ở thôn T, xã T, huyện Y; Trần H, sinh năm 1989, ở thôn N, xã Đ, huyện Y; Chu Thị M, sinh năm 1990, ở thôn H, xã N, huyện L; Hoàng Thị P, sinh năm 1990, ở TT. N, huyện V; Bùi Thị P, sinh năm 1993, ở thôn 14, xã X, huyện L; Lê Thị T, sinh năm 1983, ở thôn M, xã L, huyện Y; Nguyễn Thị B, sinh năm 1982, ở thôn C, xã H, huyện Y; Nguyễn Văn C, sinh năm 1988, ở thôn T, xã L, huyện Y; Thân Thị H, sinh năm 1991, ở thôn Quyết C, xã L, huyện Y; Đàm Văn H, sinh năm 1990, ở thôn L, xã B, huyện L; Vũ Trí V, sinh năm 1997, ở thôn Trại T, xã L, huyện Y; Leo Thị Vân A, sinh năm 1997, ở thôn M, xã T, huyện V; Nguyễn Danh H, sinh năm 1993, ở thôn H, xã H, huyện T; Phạm Thị P, sinh năm 1984, ở thôn D, xã H, huyện Y; Đào Thị T, sinh năm 1992, ở thôn D, TT.B, huyện V; Tăng Duy Q, sinh năm 1991, ở thôn An P, xã T, TP.B; Dương Thị T, thôn T, xã T, huyện Y; Giáp Văn D, sinh năm 1994, ở thôn Ngọc Y, xã C, huyện T. Trong đó có Trần Đức T mua và sử dụng 6 giấy; Thân Thị H 3 giấy; Chu Thị M; Thân Thị L và Đàm Văn H mỗi người 2 giấy, các đối tượng còn lại 01 giấy. Tất cả các đối tượng trên đều thừa nhận không đi khám bệnh, không điều trị tại Bênh viện Đa khoa huyện Yên Dũng như trong nội dung giấy ra viện giả thể hiện. Mục đích mua các giấy ra viện giả là để sử dụng các giấy ra viện giả lấy lý do ốm nằm viện điều trị để Công ty không kỷ luật và để hưởng chế độ nghỉ việc. Quá trình làm việc các trường hợp trên đều nhận thức được việc làm của mình và đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền

12.726.000 đ mà Bảo hiểm đã chi trả chế độ theo các giấy ra viện giả cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng.

Xác minh tại Công ty TNHH V và Bảo hiểm xã hội huyện Việt Yên xác định đã có 37 giấy ra viện giả của 27 trường hợp công nhân đã được Bảo hiểm xã hội huyện Việt Yên duyệt chi thanh toán chế độ bảo hiểm với số tiền là 13.416.000đ. Công ty TNHH V đã chuyển khoản thanh toán số tiền này trả cho các công nhân theo 37 giấy ra viện giả. Làm việc với Bệnh viện đa khoa huyện Yên Dũng xác định 27 trường hợp trên không nằm điều trị tại Bệnh viện huyện Yên Dũng.

Ngày 30/9/2016 và ngày 05/6/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định trưng cầu giám định và Quyết định trưng cầu giám định bổ sung về chữ ký, chữ viết và con dấu trên 37 giấy ra viện thu giữ tại Bảo hiểm xã hội huyện Việt Yên đến Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang. Tại bản kết luận giám định số 1143/KL-PC54 ngày 4/10/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

" 1. Hình dấu tròn mang tên Bệnh viện đa khoa huyện Yên Dũng, hình dấu chức danh mang tên Ong Thế Bình, hình dấu chức danh mang tên Phạm Quang Đạt trên 36 "Giấy ra viện" của Bệnh viện đa khoa huyện Yên Dũng (ký hiệu từ A1 đến A36) gửi giám định là giả được làm bằng phương pháp in phun màu.

2 và 3. Chữ ký mamg tên ông Ong Thế Bình và chữ ký mang tên ông Phạm Quang Đạt trên 36 "Giấy ra viện" của Bệnh viện đa khoa huyện Yên Dũng (kí hiệu từ A1 đến A 36) so với chữ ký của ông Ong Thế Bình và chữ ký của ông Phạm Quang Đạt là không phải do cùng một người ký ra.

4. Chữ viết trên các tài liệu cần giám định (kí hiệu từ A1 đến A5, từ A8 đến A 25, từ A27 đến A30; Từ A32 đến A36) so với chữ viết của Nguyễn Trung Thành trên các tài liệu mẫu (Ký hiệu M3 đến M6) là do cùng một người viết ra".

Tại bản kết luận giám định bổ sung số 861/KL-PC54 ngày 7/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

"1. Hình dấu tròn mang tên Bệnh viện đa khoa huyện Yên Dũng, hình dấu chức danh mang tên ông Ong Thế Bình; Phạm Quang Đạt trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) gửi giám định là giả, được làm bằng phương pháp in phun màu.

2. Chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ viết của Nguyễn Trung Thành trên tài liệu mẫu (ký hiệu M3 đến M6) là do cùng một người viết ra.

3&4. Chữ ký dưới mục "Trưởng khoa điều trị" " Giám đốc bệnh viện" trên tài liệu (ký hiệu A1) so với chữ ký cùng dạng do Nguyễn Trung Thành ký trên tài liệu mẫu (ký hiệu A4; M5) là do cùng một người ký ra.

5. Chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A6,A7, A26, A31) so với chữ viết của Nguyễn Thị Lý trên tài liệu mẫu (ký hiệu M10) là do cùng một người viết ra."

Ngày 21/2/2017 và ngày 15/5/2017 Cơ quan điều tra ra Lệnh thu giữ điện tín số 05 và số 16 đối với Tập đoàn viễn thông quân đội Viettel về chủ thuê bao; danh sách các cuộc gọi đi, đến, tin nhắn giữa các thuê bao 01667079434; 0978578179 và 01628326816. Tại Công văn phúc đáp số 404 ngày 3/4/2017 của Tập đoàn viễn thông quân đội Viettel xác định tại thời điểm kiểm tra số liệu 3/4/2017 hệ thống không còn lưu bản kê các cuộc gọi đi, đến, tin nhắn giữa các thuê bao trên từ thời điểm 1/3/2015 đến 1/10/2016. Xác minh không làm rõ được chủ thuê bao do T khai.

Đối với Nguyễn Thị Th, mặc dù biết các giấy ra viện do Nguyễn Trung T đưa cho là các giấy ra viện giả nhưng Th vẫn tích cực giúp T, cung cấp thông tin và giúp T bán tổng cộng 34 giấy ra viện giả cho các công nhân của Công ty TNHH V, Th được T trả công 100.000đ, số tiền này Th đã nộp cho cơ quan điều tra.

Đối với người đàn ông tên Thao (hoặc Thảo, Thạo), Thành khai nhận đã bán cho Thành tổng cộng 40 phôi giấy ra viện giả. Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Dũng đã áp dụng các biện pháp điều tra, xác minh tuy nhiên không xác định được người đàn ông này nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Nguyễn Thị L (vợ T) có hành vi viết hộ nội dung 4 giấy ra viện giả cho T, nhưng L không biết các giấy ra viện đó là giả, ngoài lời khai không có các tài liệu khác nên không có căn cứ xử lý.

Đối với các công nhân Công ty TNHH V mua và sử dụng giấy ra viện giả và một số đối tượng mua hộ. Quá trình điều tra, các đối tượng này đều khai nhận không đi điều trị ở Bệnh viện nhưng vẫn cố ý sử dụng nhằm mục đích lừa dối công ty để hưởng chế độ, và để xin nghỉ việc, hành vi đó là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra các đối tượng này đều thành khẩn khai báo, xác định không trực tiếp biết việc T làm giả giấy ra viện, nhận thức được việc làm của mình và đã tự nguyện nộp lại số tiền mà Bảo hiểm đã chi trả. Do đó, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng đã có công văn yêu cầu địa phương xử lý hành chính.

* Về trách nhiệm dân sự: Đại diện nguyên đơn dân sự đã nhận được số tiền thiệt hại theo yêu cầu, và không có đề nghị gì thêm; Công ty TNHH V không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

* Vật chứng của vụ án: Đối với điện thoại của T và của Th dùng làm phương tiện phạm tội, T và Th đều khai đã bị hỏng và vứt đi nên cơ quan điều tra không thu giữ được. Trong tổng số tiền 31.242.600đ, ngày 21/09/2017 Viện kiểm sát nhân

dân huyện Yên Dũng đã chuyển trả cho Bảo hiểm xã hội huyện Việt Yên 12.726.000 đ; số tiền còn lại chưa xử lý gồm: 5.100.000đ là tiền thu lợi bất chính T và Th đã nộp; 13.416.000đ T nộp khắc phục hậu quả.

Tại bản cáo trạng số 66/KSĐT ngày 21/09/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng đã truy tố các bị cáo Nguyễn Trung T, Nguyễn Thị Th về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 267 Bộ luật hình sự.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng đã phát biểu lời luận tội đối với các bị cáo, phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Trung T và Nguyễn Thị Th phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267, các điểm b, **s,** p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 60 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trung T.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267, các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 60 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Th.

Xử phạt:

1. Bị cáo Nguyễn Trung T từ 27 đến 30 tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo.

2. Bị cáo Nguyễn Thị Th từ 24 đến 27 tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo,

Ngoài ra, còn đề cập đường lối xử lý về vật chứng và tiền án phí.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Th đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo lần đầu phạm tội, có vai trò thứ yếu, tại phiên toà bị cáo tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình thuộc diện hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn. Luật sư đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo.

Các bị cáo thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng người đúng tội, bị cáo không bị oan và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

[1] Tại phiên toà hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã truy tố. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm.

Lợi dụng vào nhu cầu của các công nhân về việc thanh toán, giải quyết chế độ nghỉ việc, chế độ ốm đau cho người lao động, từ năm 2015 đến cuối năm 2016, Nguyễn Trung T đã 4 lần mua 40 phôi giấy ra viện giả mang tên Bệnh viện đa khoa huyện Yên Dũng đem về sau đó thông qua Nguyễn Thị Th lấy các thông tin cá nhân, ngày muốn nghỉ…của các đối tượng cần mua rồi tự ghi các nội dung thông tin cá nhân người mua nhưng không điều trị ở bệnh viện và giả chữ ký của Phó giám đốc và bác sĩ điều trị Bệnh viện đa khoa huyện Yên Dũng vào giấy ra viện giả. T trực tiếp đem bán 03 giấy ra viện giả và thông qua Nguyễn Thị Th bán 34 giấy ra viện giả cho các công nhân ở công ty TNHH V khu công nghiệp Vân Trung, huyện Việt Yên, thu lời bất chính số tiền là 5.000.000đ. Các đối tượng mua được giấy ra viện giả của T và Th đã được nghỉ chế độ và được bảo hiểm xã hội thanh toán hưởng chế độ tổng số tiền 13.416.000đ.

Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Nguyễn Trung T và Nguyễn Thị T phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng truy tố các bị cáo là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào trật tự quản lý hành chính của nhà nước về con dấu, tài liệu, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, do đó phải xử phạt các bị cáo một hình phạt tương xứng để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[2] Xét về tính chất, vai trò của từng bị cáo trong vụ án thì thấy: Đây là vụ án có đồng phạm nhưng được tổ chức dưới hình thức đồng phạm giản đơn, Nguyễn Trung T là người rủ rê và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội có vai trò thứ 1, Nguyễn Thị Th giúp sức Nguyễn Trung T thực hiện tội phạm có vai trò thứ 2.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả; bị cáo T có thời gian phục vụ trong quân đội có thành tích và được tặng bằng khen, tham gia công tác được tặng giấy khen, có bố, mẹ tham gia kháng chiến được tặng thưởng huân, huy chương, bị cáo Th có bố chồng là thương binh. Do vậy, cần áp dụng các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 đối với các bị cáo, áp dụng điểm s khoản 1 Điều 46 bộ luật hình sự đối với bị cáo T để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Các bị cáo đều xuất thân từ thành phần nhân dân lao động, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, có nơi thường trú cụ thể rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm

nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2013/NQ- HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện để giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

[6] Ngoài hình phạt chính cần áp dụng khoản 4 Điều 267 Bộ luật hình sự phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo T. Đối với các bị cáo Th gia đình thuộc diện hộ nghèo nên Hội đồng xét xử miễn không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền.

[7] Đối với người đàn ông tên Thao (hoặc Thảo, Thạo) bán cho T tổng cộng 40 phôi giấy ra viện giả, Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Dũng đã áp dụng các biện pháp điều tra, xác minh tuy nhiên không xác định được người này, nên không có căn cứ xử lý. Đối với Nguyễn Thị L (vợ T) có hành vi viết hộ nội dung 4 giấy ra viện giả cho T, nhưng L không biết các giấy ra viện đó là giả, ngoài lời khai không có các tài liệu khác nên không có căn cứ xử lý. Đối với các công nhân Công ty TNHH V mua và sử dụng giấy ra viện giả và một số người mua hộ giấy ra viện. Quá trình điều tra xác định những người này đều có nhân thân tốt, không trực tiếp biết T làm giả giấy ra viện, trong quá trình điều tra đều thành khẩn khai báo, nhận thức được việc làm của mình và đã tự nguyện nộp lại số tiền mà Bảo hiểm đã chi trả; cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng đã có công văn yêu cầu địa phương xử lý hành chính xét là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự đã nhận được số tiền 12.726.600 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, các bên không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra xem xét.

[9] Về việc xử lý vật chứng: Số tiền thu lợi bất chính các bị cáo đã nộp gồm bị cáo T 5.000.000đ, Th 100.000 đ cần tịch thu sung quỹ nhà nước; số tiền 13.416.000đ của bị báo T không liên quan đến việc phạm tội cần trả bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[10] Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Nguyễn Thị Th có gia đình thuộc diện hộ nghèo nên Hội đồng xét xử miễn tiền án phí cho bị cáo.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Trung T và Nguyễn Thị Th phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 267, các điểm b, **s,** p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 60 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trung T.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267, các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 60 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Th.

Xử phạt:

1. Bị cáo Nguyễn Trung T **02** năm **06** tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách **05** năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bằng tiền: 5.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

2. Bị cáo Nguyễn Thị Th **02** năm tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách **04** năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Trung T và Nguyễn Thị Th cho Uỷ ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh B giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách; trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

II. Về việc xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 5.100.000 đồng tiền thu lợi bất chính.

Trả lại bị cáo Nguyễn Trung T 13.416.000 đồng, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng của vụ án như trong Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng).

III. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Buộc bị cáo Nguyễn Trung T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Thị Th.

IV. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các điều 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7 b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Chi Cục THADS huyện Yên Dũng;
- Công an huyện Yên Dũng;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Toản

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - chủ toạ phiên toà**